

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH: TOO... TO vs. SO... THAT

Diễn tả mức độ quá vượt mức dẫn đến kết quả (Chuyển đổi câu tương đương)

1. Hệ thống công thức cốt lõi

Cấu trúc này dùng để diễn tả một tính chất vượt quá mức cho phép, dẫn đến một kết quả không thể thực hiện được hành động, là chuyên đề kinh điển trong các bài thi viết lại câu.

Dạng Too... to: S + be + TOO + Adj / Adv + (for somebody) + TO + V1

Dạng So... that: S + be + SO + Adj / Adv + THAT + S + can't / couldn't + V1

* Mẹo ghi nhớ: **Too... to = So... that... can't/couldn't.**

* Triết lý dịch: "Dịch là Diệt (IN ENGLISH = TO TRANSLATE IS THE SAME TO KILL)" – thấu hiểu ngữ cảnh để dịch thoát ý, tự nhiên.

2. Hệ thống ví dụ minh họa phong phú (Từ cơ bản đến nâng cao)

Dưới đây là loạt ví dụ chi tiết chuyển đổi giữa hai cấu trúc **Too... to** và **So... that** ở cả hiện tại và quá khứ:

STT	Cấu trúc TOO... TO (Quá... đến nỗi không...)	Cấu trúc SO... THAT (Quá... đến mức mà không...)
1	Nam is too short to reach the orange. (Nam quá thấp để với lấy quả cam.)	Nam is so short that he can't reach the orange.
2	The coffee was too hot to drink. (Cà phê quá nóng để uống.)	The coffee was so hot that I couldn't drink it.
3	The box is too heavy for her to lift. (Chiếc hộp quá nặng để cô ấy nâng lên.)	The box is so heavy that she can't lift it.
4	He drove too fast to avoid the accident. (Anh ấy lái xe quá nhanh nên không tránh được tai nạn.)	He drove so fast that he couldn't avoid the accident.
5	The test was too difficult for us to finish on time. (Bài kiểm tra quá khó để chúng tôi hoàn thành kịp giờ.)	The test was so difficult that we couldn't finish it on time.
6	She was too tired to continue working. (Cô ấy quá mệt mỏi để tiếp tục làm việc.)	She was so tired that she couldn't continue working.
7	The water is too cold for the children to swim. (Nước quá lạnh để bọn trẻ bơi.)	The water is so cold that the children can't swim in it.
8	He spoke too quietly for the audience to hear clearly. (Anh ấy nói quá nhỏ để khán giả nghe rõ.)	He spoke so quietly that the audience couldn't hear him clearly.
9	The room was too dark for us to see anything. (Căn phòng quá tối để chúng tôi nhìn thấy gì.)	The room was so dark that we couldn't see anything.
10	The shoes were too expensive for me to buy. (Đôi giày quá đắt để tôi mua.)	The shoes were so expensive that I couldn't buy them.

3. Các lưu ý quan trọng khi biến đổi câu

Mẹo xử lý kỹ thuật viết lại câu:

- **Chủ ngữ mệnh đề sau 'that':** Nếu ở cấu trúc *Too... to* có cụm *for somebody*, thì đại từ/ danh từ đó sẽ trở thành chủ ngữ cho mệnh đề sau *that* (ví dụ: *for her* -> *she*, *for us* -> *we*).
- **Tân ngữ thừa kế:** Trong cấu trúc *So... that*, nếu động từ chính ngoại động (cần tân ngữ), ta bắt buộc phải thêm tân ngữ tương ứng ở cuối câu (như *it*, *them*), điều mà cấu trúc *Too... to* thường lược bỏ.
- **Thì của câu:** Hiện tại dùng *can 't*, quá khứ dùng *couldn 't*.

4. Ứng dụng ôn thi tuyển sinh

- **Viết lại câu (Sentence Transformation):** Nắm chắc kỹ thuật chuyển đổi qua lại giữa hai cấu trúc này giúp học sinh xử lý hoàn hảo các câu hỏi biến đổi câu trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT quốc gia.

Chương trình tiếng Anh tương tác "**From ZERO to MASTER**" chạy rất tốt trên các trình duyệt Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera...

Lưu ý: Không hỗ trợ trên trình duyệt cũ Internet Explorer.

Composed by **Mr. Lê Đại Phong** – www.tienganhhaiphong.vn [CLICK HERE](#)

Phone & Zalo: **0971386608** • Email: **typhoon620@gmail.com**

Chuyên luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp THPT tại Hải Phòng.